

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỈNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HS-ST  
Ngày: 06 - 8 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Thanh Hoàng;
2. Bà Huỳnh Thị Thanh.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Bảo Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tỉnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2020/TLST- HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Thông báo số 05/TB-TA ngày 23 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn Chí T, sinh ngày 05 tháng 02 năm 2002, nơi cư trú: ấp L, xã Ô, huyện P, nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; không rõ tên cha, mẹ là bà Trần Thị T; anh, em ruột: 04 người, bị cáo là người thứ nhất; chưa có vợ con; nhân thân: từ nhỏ sống cùng ông bà ngoại tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đi học đến lớp 7 thì nghỉ, phụ giúp gia đình.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 16/01/2020 bị Công an xã V, huyện Tỉnh Biên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp xong tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/02/2020 cho đến nay.

***Người bào chữa cho bị cáo:*** Ông Trần Phước T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh An Giang.

***Bị hại:***

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 2000, nơi cư trú: tổ 1, ấp H, xã N, huyện

B, tỉnh An Giang.

2. Ông Võ Văn V, sinh năm 1985, nơi cư trú: tổ 19, khóm T, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang.

3. Ông Đinh Văn D, sinh năm 1981, nơi cư trú: tổ 1, khóm S, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang.

4. Ông Trần Công T1, sinh năm 1997, nơi cư trú: tổ 1, khóm S, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang.

5. Ông Lê Công T2, sinh năm 1969, nơi cư trú: tổ 13, khóm T, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang.

6. Ông Lê Công L, sinh năm 1986, nơi cư trú: tổ 2, ấp V, xã N, huyện B, tỉnh An Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Hoài H, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ 16, khóm T, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang.

2. Ông Trần Văn D, sinh năm 1966, nơi cư trú: khóm H, thị trấn N, huyện B, tỉnh An Giang.

3. Ông Trần Văn M, sinh năm 1986, nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện B, tỉnh An Giang.

*Người làm chứng:*

1. Ông Trần Văn Minh;

2. Bà Trần Thị Tâm;

3. Ông Nguyễn Chế Linh;

4. Ông Nguyễn Văn Út;

5. Đỗ Ngọc Tâm;

6. Bà Dương Thị Định;

7. Ông Nguyễn Ngọc Sơn;

8. Ông Nguyễn Văn Tuấn;

9. Ông Ngô Văn Kha;

10. Ông Ngô Văn Phúc;

11. Ông Trần Văn Nghĩa.

Bị cáo, người bào chữa, bị hại ông Lê Công T và người làm chứng: ông Trần Văn M, bà Trần Thị T có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 27/01/2020 đến ngày 12/02/2020, bị cáo Trần Văn Chí T 6 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn huyện B. Cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 23 giờ ngày 27/01/2020, T đi bộ đến khu vực ấp H, xã N, huyện B, phát hiện nhà chị Nguyễn Thị N đã ngủ, T đi vào bên trong nhà quan sát thấy 01 điện thoại di động Samsung A10 màu đỏ và 01 điện thoại di động hiệu Philips màu đỏ của Ý để trên đầu tủ ở phòng khách, T lấy 02 điện thoại. Đến ngày 28/01/2020, T mang điện thoại Samsung A10 đến tiệm điện thoại “HN” do anh Đặng Hoài H làm chủ thuộc tổ 16, khóm T, thị trấn N, huyện B bán được 1.200.000 đồng. Riêng điện thoại di động hiệu Philips T cất giữ.

- Lần 2, 3, 4: Khoảng 23 giờ ngày 28/01/2020, T đi bộ đến nhà anh Võ Văn V thuộc khu vực tổ 19, khóm T, thị trấn N, huyện B, quan sát thấy nhà V đã ngủ không đóng cửa, T vào bên trong phòng ngủ lấy 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 8, màu xanh. T tiếp tục đi bộ đến quán cà phê “NB” do anh Đinh Văn D làm chủ thuộc khóm S, thị trấn N, huyện B thấy cửa rào không khóa, T vào bên trong lấy 01 ví da màu đỏ, bên trong có 97.000 đồng để trong hộc tủ tại quầy pha cà phê. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 29/01/2020, T đi bộ đến nhà anh Trần Công T1 thuộc khóm S, thị trấn N, quan sát thấy xe mô tô biển số 67L7 – 2255 của T1 có gắn sẵn chìa khóa dựng trước nhà, không người trông giữ, T vào dắt xe ra ngoài rồi điều khiển đến khu vực khóm T, thị trấn N, huyện B. Cùng lúc, T1 phát hiện mất xe nên cùng anh Đỗ Ngọc T, Nguyễn Văn U đi tìm, đến khu vực trên thì phát hiện bắt giữ T cùng xe mô tô giao Công an thị trấn N.

- Lần 5: Khoảng 03 giờ ngày 07/02/2020, T đi bộ đến khu vực tổ 13, khóm T, thị trấn N, huyện B. Khi đi ngang nhà anh Lê Công T2, nhìn thấy xe mô tô biển số 72F8 – 8880 của T2 đang đậu trước cửa nhà, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, không người trông giữ. T vào bên trong nhà dắt xe ra ngoài rồi điều khiển về nhà tại ấp Long T, xã Ô, huyện P, cất giấu. Đến 06 giờ sáng cùng ngày, anh Nguyễn Ngọc S (Phó Ban ấp L) và Nguyễn Văn T (người cùng xóm với T) nhìn thấy xe mô tô biển số 72F8 – 8880 nghi ngờ xe do trộm cắp mà có, nên trình báo Công an xã Ô, huyện P. Tại trụ sở Công an xã Ô, T thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản và giao nộp lại xe.

- Lần 6: Khoảng 12 giờ ngày 12/02/2020, T đi bộ đến nhà anh Lê Văn L thuộc ấp V, xã N, huyện B, quan sát thấy xe mô tô biển số 67K3 – 0823 của L đang đậu cặp đường lộ, không người trông giữ, T dùng tay đầu nối nguồn điện để nổ máy xe rồi điều khiển đến khu vực ấp V, xã T, huyện B, thì bị anh Ngô Văn K, Ngô Văn U nghi ngờ bắt giữ T cùng tang vật giao Công an xã T.

Kết luận định giá tài sản số: 96, 98, 99, 100, 178, 179/KL.HĐĐG-TTHS ngày 06/02/2020, ngày 07/02/2020 và ngày 26/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tịnh Biên, xác định:

- 01 chiếc xe mô tô loại xe hai bánh, biển số 67L7 – 2255, nhãn hiệu ATTILA, màu bạc, được định giá là 3.500.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động, hiệu Redmi Note 8, màu xanh, được định giá là 1.720.000 đồng.

- 01 ví da màu đỏ có dòng chữ FOREVER YOUNG Originallay from Korea in trên ví, được định giá là 50.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A10, màu đỏ, được định giá là 1.200.000 đồng.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Philips S398, màu đỏ, được định giá là 300.000 đồng.

- 01 chiếc xe mô tô loại xe hai bánh, biển số 72F8 – 8880, nhãn hiệu HOLDER, loại xe Dream 100, màu nâu, được định giá là 2.500.000 đồng.

- 01 chiếc xe mô tô loại xe hai bánh, biển số 67K3 – 0823, nhãn hiệu SUFET, loại xe nữ, màu xanh, được định giá là 5.200.000 đồng.

Cáo trạng số 21/CT-VKSTB-HS, ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố bị cáo Trần Văn Chí T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi chung là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận, do muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của các bị hại như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thống nhất quan điểm bào chữa của người được chỉ định bào chữa cho bị cáo. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, có điều kiện lao động phụ giúp gia đình và chăm sóc các em nhỏ.

Bị hại ông Lê Công T2 cho biết đã nhận lại tài sản mà bị cáo đã lấy trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, đồng thời có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng bà Trần Thị T cho biết, bà là mẹ ruột của bị cáo, bà không biết họ tên cha của bị cáo, ngày 05 tháng 02 năm 2002 đúng là ngày sinh của bị cáo. Sau khi sinh bị cáo, bà đã gửi bị cáo lại cho cha mẹ ruột nuôi dưỡng, chăm sóc, bà nhận thấy bản thân có lỗi khi thiếu sự dạy dỗ, quan tâm con.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được kiểm chứng tại phiên tòa.

Ngoài ra, hành vi mà bị cáo đã thực hiện qua lời khai nhận còn phù hợp với vật chứng vụ án được thu giữ và giao trả lại cho các bị hại. Do đó, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; giữ nguyên nội dung và quyết định truy tố đối với bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo 06 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, trong đó có 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với giá trị tài sản chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng nên hành vi mà bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, thời điểm bị cáo thực hiện tội phạm, bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trên cũng như các quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, Điều 98, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù;

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng đối với bị cáo do bị cáo phạm tội khi dưới 18 tuổi và thuộc hộ nghèo.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị N số tiền 1.200.000 đồng tương đương giá trị điện thoại Sam sung A10 mà bị cáo đã chiếm đoạt không thu hồi được.

Về xử lý vật chứng, căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (gọi chung là Bộ luật Tố tụng Hình sự), đề nghị:

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.200.000 đồng mà bị cáo chủ động giao nộp để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo khoát tay dài màu nâu và 01 (một) quần thun dài màu đen đã thu giữ của bị cáo do không còn giá trị sử dụng và bị cáo không yêu cầu nhận lại.

Đối với ông Đặng Hoài H khi nhận mua điện thoại do bị cáo đem đến bán, không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Tịnh Biên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo.

Tuy nhiên, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét thêm đối với hoàn cảnh của bị cáo thuộc hộ nghèo, từ nhỏ không được sống

cùng cha mẹ (sống cùng ông, bà ngoại) nên thiếu sự giáo dục. Đồng thời, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên việc xử lý chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất của khung hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

#### *Về tố tụng,*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân huyện Tịnh Biên; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện nên không đề cập xem xét.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại: Nguyễn Thị N, Võ Văn V, Đinh Vã, Trần Công T1, Lê Công L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Đặng Hoài H, Trần Văn D, Trần Văn M và những người làm chứng khác vắng mặt. Xét những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

#### *Về nội dung,*

[4] Hành vi phạm tội:

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa cũng như lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng cùng tài liệu, chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập và thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp nhau về thời gian, diễn biến sự việc như nội dung vụ án thể hiện.

Ngoài ra, lời khai nhận của bị cáo về các hành vi đã thực hiện còn phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu giữ và trả lại cho các chủ sở hữu.

Từ đó, có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi lợi dụng lúc đêm khuya, sơ hở, thiếu cảnh giác trong quản lý, giữ gìn tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng giá trị được xác định là 14.567.000 đồng như nội dung vụ án đã nêu.

Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích đem bán có tiền tiêu xài cá nhân; xâm phạm quan hệ về sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ.

Do đó, Cáo trạng số 21/CT-VKSTB-HS, ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo sinh ngày 05 tháng 02 năm 2002, tại thời điểm thực hiện tội phạm bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Do đó, trong quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các quy định của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong xử lý hành vi phạm tội của bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm viên.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo 03 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách lén lút, giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xem xét tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện giao nộp số tiền 1.200.000 đồng khắc phục hậu quả. Xét về nhân thân, bị cáo từ nhỏ không sống cùng cha mẹ, thuộc hộ nghèo của địa phương; tại phiên tòa, bị hại ông Lê Công T2 có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, do đó có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và thuộc hộ nghèo, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Lời khai trong quá trình điều tra, bị hại Nguyễn Thị N có yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị điện thoại Samsung A10 mà bị cáo lấy trộm không thu hồi được, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường từ số tiền 1.200.000 đồng mà bị cáo đã giao nộp trong quá trình điều tra. Xét, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 1.200.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 (một) áo khoát tay dài màu nâu và 01 (một) quần thun dài màu đen đã thu giữ do không còn giá trị sử dụng và bị cáo không yêu cầu nhận lại, xét tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 1.200.000 đồng, đây là tiền bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị N, xét tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Vấn đề khác:

Đối với ông Đặng Hoài H khi mua điện thoại do bị cáo bán, không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cần công khai giáo dục tại phiên tòa nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

[10] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo nên thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, 98 và Điều 101 Bộ luật Hình sự;*

Tuyên bố bị cáo: Trần Văn Chí T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Chí T: 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày: 12/02/2020 (*mười hai, tháng hai, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

*Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;*

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoát tay dài màu nâu, trên thân áo có 04 túi, trên nắp túi áo bên trái có chữ IKEA FAMLY, đã qua sử dụng; 01 quần thun dài màu đen, phía trước có 02 túi, trên túi bên trái có gắn sợi dây bằng kim loại màu bạc, đã qua sử dụng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền: 1.200.000 (*một triệu hai trăm nghìn*) đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tịnh Biên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên).

*Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

Buộc bị cáo Trần Văn Chí T có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị N số tiền 1.200.000 (*một triệu hai trăm nghìn*) đồng.

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Bị cáo Trần Văn Chí T được miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại ông Lê Công T2 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.



Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND huyện Tịnh Biên (1);
- Viện KSND tỉnh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS huyện Tịnh Biên (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Tâm**